

Bản tin Phân tích kỹ thuật

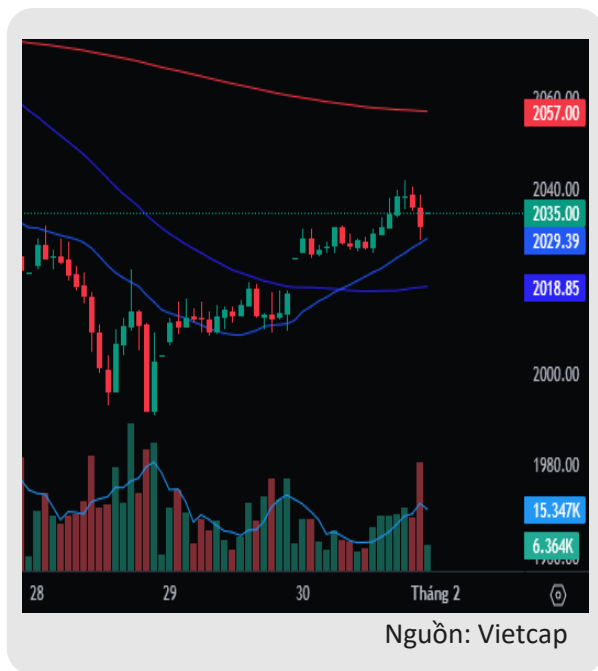
30/01/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 41I1G2000 thu hẹp một phần đà tăng sau khi tiếp cận khu vực 2.040 điểm. (M15)
- Tuy nhiên, tín hiệu tăng giá vẫn hiện hữu nhờ không vi phạm đường MA20 và MA50. Khuyến nghị mở vị thế mua quanh khu vực 2.032, mục tiêu là vùng 2.050 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 2.025 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.032 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.050 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.025 điểm

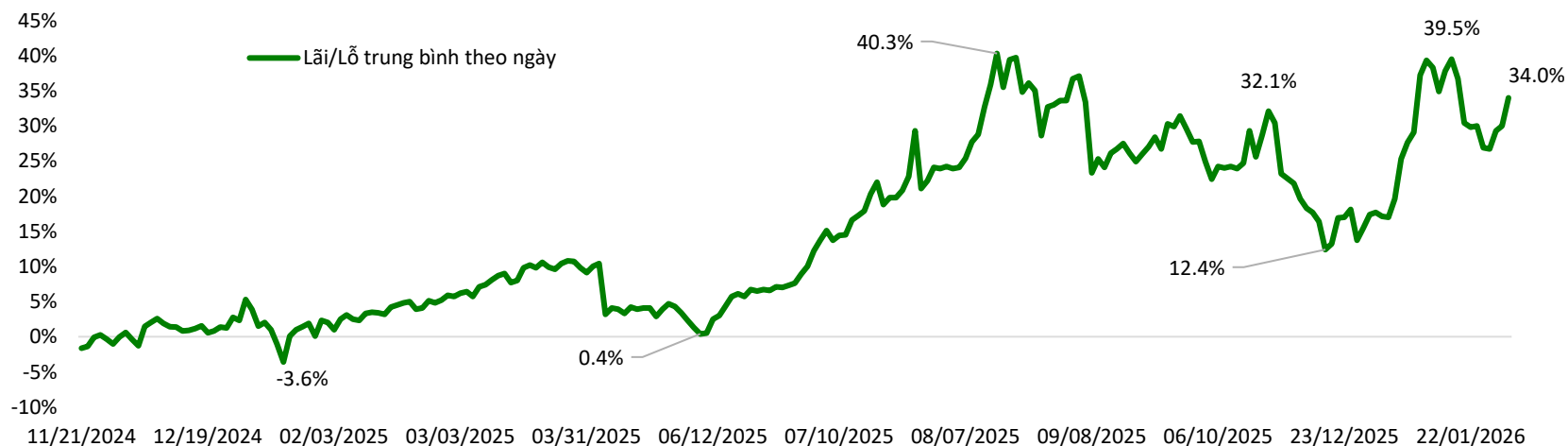
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index tăng điểm kèm sắc xanh trên 213 mã, thanh khoản cải thiện cho thấy hoạt động mua trong ngày có sự gia tăng và mật độ phân tán rộng hơn phiên 30/01. VN30-Index đồng thuận về giá và thanh khoản. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn ở VN-Index và VN30-Index vẫn ở mức Tiêu cực bởi chưa đủ tín hiệu thiết lập quán tính hồi phục ổn định. Mặt khác, biên độ tăng cao ở nhiều cổ phiếu vốn hóa nhỏ và sàn HNX giúp VNSmallcap và HNX-Index cải thiện tín hiệu lên Trung tính và Tích cực.
- Hoạt động mua vùng thấp và vùng giá cao cải thiện trên nhóm Bất động sản, Ngân hàng, Công nghiệp, Dầu khí, và Bán lẻ. Đáng chú ý, không ghi nhận lực cung bất thường trên các nhóm ngành còn lại. Về tín hiệu kỹ thuật, đà hồi phục/tăng giá được thiết lập trên 65% cổ phiếu Ngân hàng, 75% cổ phiếu Bất động sản, 100% cổ phiếu Dầu khí, 65% cổ phiếu Tiêu dùng và 60% cổ phiếu Bán lẻ.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, VN-Index sẽ tiếp tục hồi phục, kiểm định lại khu vực 1.860 điểm trong tuần giao dịch tiếp theo với hỗ trợ là đường MA5 quanh 1.820 điểm. Chỉ số nhiều khả năng sẽ tăng giá trong sự giằng co bởi các áp lực bán giá cao tồn đọng từ giai đoạn điều chỉnh trước. Các vị thế đang nắm giữ và mở mới có ngưỡng dừng lỗ/giảm tỷ trọng tại 1.790 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
MBB	09/01/2026		Đang mở	27,200	26,700	1.9%	25,500	29,500		
SSI	09/01/2026		Đang mở	31,150	30,300	2.8%	29,200	34,500	30,500	37,600
BID	28/01/2026		Đang mở	53,900	51,500	4.7%	49,300	59,000	51,500	
VCB	28/01/2026		Đang mở	70,500	69,400	1.6%	66,400	75,000		
IDC	28/01/2026		Đang mở	47,900	44,600	7.4%	40,800	53,500	45,000	
PVS	28/01/2026		Đang mở	45,400	40,800	11.3%	38,750	44,000	40,800	45,500
STB	29/01/2026		Đang mở	63,000	62,600	0.6%	58,400	70,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BID	53,900	3.85%	6.10%	378,451	3.037	3,781	2.3	14.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TCB	35,900	2.87%	-1.64%	254,396	1.518	3,577	1.5	10.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VCB	70,500	1.00%	2.77%	589,075	1.230	4,202	2.7	16.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MWG	92,900	3.80%	8.28%	136,420	1.079	3,957	4.3	23.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MBB	27,200	1.87%	0.93%	219,096	0.854	3,325	1.6	8.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	106,000	-0.93%	-13.47%	435,386	-0.847	10,008	1.8	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VJC	170,500	3.96%	-11.93%	100,870	0.832	3,728	4.1	45.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
GVR	39,850	-2.45%	7.99%	159,400	-0.813	1,406	2.8	28.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCX	56,500	2.73%	1.62%	130,589	0.742	2,713	3.0	20.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	38,750	1.17%	-0.64%	300,969	0.736	4,292	1.8	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	22,400	2.52%	8.47%	112,164	0.588	413	2.0	54.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	28,000	1.27%	-1.75%	222,150	0.586	3,024	1.3	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	104,500	-1.51%	3.47%	178,016	-0.559	5,511	4.9	19.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	28,300	1.62%	-4.39%	141,649	0.477	3,496	1.9	8.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HPG	26,800	-1.11%	0.19%	205,702	-0.474	1,876	1.6	14.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	230,700	7.35%	53.49%	46,140	1.322	9,526	10.1	24.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	70,500	2.92%	4.60%	63,435	0.722	17,478	3.6	4.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	45,400	4.37%	17.31%	23,218	0.395	3,560	1.6	12.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	47,900	3.46%	5.27%	18,178	0.245	5,090	2.8	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CEO	20,000	3.63%	3.09%	11,348	0.160	304	1.8	65.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	33,400	7.74%	7.74%	4,028	0.121	2,493	1.6	13.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	12,900	2.38%	-2.27%	12,942	0.120	1,055	1.0	12.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHC	120,200	9.97%	-19.71%	1,974	0.077	1,616	3.1	74.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	12,500	0.81%	-3.85%	24,058	0.076	-3,420	3.6	-3.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	49,000	-7.55%	-5.77%	2,450	-0.072	2,386	2.4	20.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	54,800	4.18%	-7.74%	195,348	0.257	2,971	2.9	18.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	40,700	11.81%	44.33%	44,336	0.165	10	3.6	3,924.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	63,700	-2.00%	-0.16%	75,100	-0.047	1,438	5.5	43.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
OIL	16,300	8.67%	14.79%	16,689	0.046	384	1.6	42.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCV	270,000	19.47%	62.45%	7,299	0.045	3,750	9.4	62.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
RGG	39,300	14.91%	14.24%	7,840	0.037	835	3.5	47.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TIN	109,700	10.25%	63.73%	9,771	0.032	11,764	4.9	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	123,300	0.24%	6.29%	376,967	0.029	3,063	9.2	40.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TTD	140,100	41.37%	52.28%	2,097	0.027	6,156	5.8	21.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	215,000	2.43%	1.51%	22,359	0.017	3,195	12.9	63.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

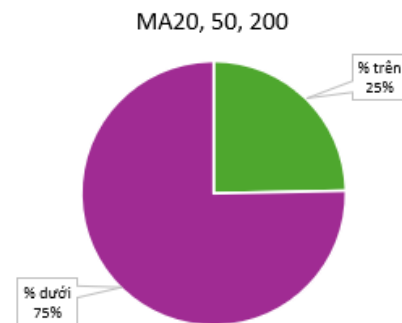
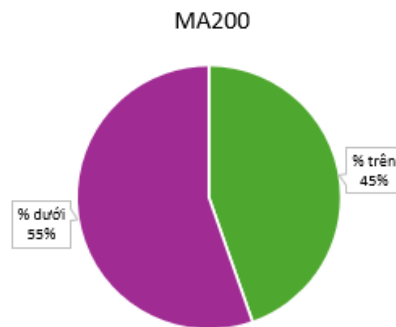
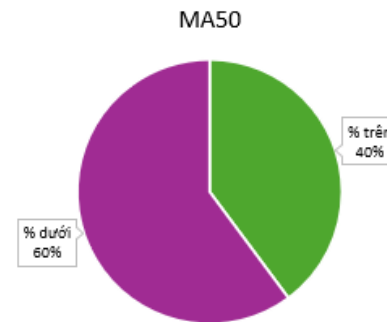
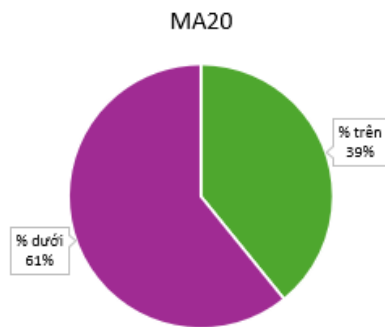
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MWG	92,900	3.8%	1918.0	656.5	45,593	89,800	4.3	23.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCX	56,500	2.7%	174.2	151.9	42,800	55,600	3.0	20.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	22,400	2.5%	499.5	482.6	9,009	22,200	2.0	54.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	40,700	11.8%	253.3	67.5	10,800	36,400	3.6	3,924.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	127,000	0.4%	466.7	170.6	61,190	126,500	3.6	18.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	169,900	3.0%	168.2	80.4	99,280	165,000	6.9	36.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	45,400	4.4%	517.8	381.6	20,000	43,500	1.6	12.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	47,900	3.5%	446.3	144.3	28,700	47,400	2.8	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	31,000	3.3%	427.0	277.2	16,282	30,500	1.0	19.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	16,300	8.7%	297.4	90.5	8,527	15,200	1.6	42.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	49,000	4.1%	304.4	110.4	28,316	48,150	3.2	19.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
TIN	109,700	10.3%	8.7	4.0	14,400	99,500	4.9	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	80,800	1.4%	20.4	11.8	14,555	79,700	2.7	5.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVX	2,700	12.5%	18.0	1.8	1,500	2,400	7.8	19.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	45,900	-0.4%	101.2	119.5	46,000	52,600	2.4	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	7,400	-6.3%	121.0	8.9	1,400	7,900	-11.9	-3.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HLB	345,000	0.0%	8.6	0.4	248,574	430,000	2.0	7.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
DHC	36,600	6.9%	81.4	13.4	20,156	36,767	1.6	9.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HII	5,570	-6.9%	8.5	2.3	3,640	9,230	0.5	8.1	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DHA	59,600	-6.9%	38.6	7.8	33,590	69,200	1.9	8.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DTD	17,400	4.2%	14.7	4.7	11,811	23,200	0.9	7.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	50,100	6.8%	205.1	58.2	34,920	64,600	2.6	16.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			30/1/2026	29/01/2026	28/1/2026	27/01/2026	26/01/2026	23/01/2026	22/01/2026	21/01/2026	20/01/2026	19/01/2026	16/01/2026
VNINDEX	MA200	Trên	48%	46%	46%	46%	44%	49%	53%	53%	54%	55%	53%
		Dưới	52%	54%	54%	54%	56%	51%	47%	47%	46%	45%	47%
	MA50	Trên	44%	44%	39%	41%	39%	49%	54%	50%	54%	57%	54%
		Dưới	56%	56%	61%	59%	61%	51%	46%	50%	46%	43%	46%
	MA20	Trên	44%	44%	35%	37%	36%	50%	60%	51%	56%	59%	58%
		Dưới	56%	56%	65%	63%	64%	50%	40%	49%	44%	41%	42%
VN30	MA200	Trên	90%	83%	87%	90%	87%	90%	90%	90%	90%	93%	93%
		Dưới	10%	17%	13%	10%	13%	10%	10%	10%	10%	7%	7%
	MA50	Trên	63%	57%	50%	63%	60%	73%	80%	73%	83%	83%	83%
		Dưới	37%	43%	50%	37%	40%	27%	20%	27%	17%	17%	17%
	MA20	Trên	43%	43%	37%	43%	30%	70%	77%	67%	80%	83%	83%
		Dưới	57%	57%	63%	57%	70%	30%	23%	33%	20%	17%	17%
HNX	MA200	Trên	40%	42%	43%	43%	44%	47%	49%	47%	49%	49%	49%
		Dưới	60%	58%	57%	57%	56%	53%	51%	53%	51%	51%	51%
	MA50	Trên	38%	41%	37%	38%	38%	42%	47%	46%	48%	50%	49%
		Dưới	62%	59%	63%	62%	62%	58%	53%	54%	52%	50%	51%
	MA20	Trên	40%	42%	43%	43%	44%	47%	49%	47%	49%	49%	49%
		Dưới	60%	58%	57%	57%	56%	53%	51%	53%	51%	51%	51%
UPCOM	MA200	Trên	36%	35%	32%	34%	33%	38%	38%	36%	37%	39%	39%
		Dưới	64%	65%	68%	66%	67%	62%	62%	64%	63%	61%	61%
	MA50	Trên	39%	37%	35%	37%	37%	40%	40%	39%	39%	40%	40%
		Dưới	61%	63%	65%	63%	63%	60%	60%	61%	61%	60%	60%
	MA20	Trên	45%	44%	43%	43%	44%	46%	46%	46%	46%	46%	46%
		Dưới	55%	56%	57%	57%	56%	54%	54%	54%	54%	54%	54%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		Tháng 1																			
		30 ↓	29	28	27	26	25	22	21	20	19	16	15	14	13	12	09	08	07	06	05
↗ 1	Dầu khí	90	90	89	88	87	88	91	90	90	91	91	91	92	90	89	90	89	87	85	80
↗ 2	Bán lẻ	75	71	69	65	70	79	82	82	83	84	77	74	74	72	66	62	67	67	65	65
3	Công nghệ Thông tin	75	75	58	59	62	72	74	75	75	85	81	73	69	66	67	63	61	53	50	52
4	Viễn thông	73	74	76	73	76	80	84	86	91	92	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
! 5	Hàng cá nhân & Gia ...	70	67	64	64	73	78	75	74	83	83	81	81	76	72	70	61	54	49	43	41
6	Điện, nước & xăng d...	66	66	64	66	68	71	73	72	72	74	71	70	72	68	64	65	67	67	66	67
↗ 7	Hóa chất	65	64	64	66	69	71	71	69	71	71	71	71	66	64	61	56	54	51	41	39
↗ 8	Thực phẩm và đồ uống...	65	64	62	61	62	65	66	66	66	65	65	64	61	58	46	48	50	49	48	50
9	Tài nguyên Cơ bản	64	60	56	53	58	61	60	60	61	61	63	58	54	54	46	50	47	45	40	39
10	Y tế	62	62	74	73	73	72	74	69	74	-	-	-	-	-	-	65	64	52	53	67
11	Bảo hiểm	59	59	60	60	68	75	84	84	83	84	84	77	73	71	68	64	65	64	53	55
! 12	Ngân hàng	52	52	57	59	63	62	64	65	69	68	66	68	70	70	62	59	59	54	42	40
👉 13	Hàng & Dịch vụ Côn...	51	51	53	54	58	66	70	73	72	69	70	66	62	60	49	44	45	44	36	37
👉 14	Xây dựng và Vật liệu	46	45	46	44	45	45	46	47	52	53	49	48	48	45	40	38	40	37	34	35
👉 15	Du lịch và Giải trí	45	44	45	55	58	57	55	56	57	60	64	65	63	62	58	51	49	48	45	46
👉 16	Ô tô và phụ tùng	43	43	43	41	41	49	48	50	56	57	55	52	48	42	34	32	34	35	32	31
👉 17	Dịch vụ tài chính	36	35	35	37	42	42	41	44	52	54	55	53	53	53	38	29	30	26	21	24
👉 18	Bất động sản	28	27	28	32	36	38	38	37	34	32	31	31	32	31	29	34	36	35	34	33

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	117,000	0.2%	16.1%	282,315	4.4	23.3	5,014	434.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	104,500	-1.5%	3.5%	178,016	4.9	19.0	5,511	1,134.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	39,850	-2.4%	8.0%	159,400	2.8	28.3	1,406	254.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	70,600	-0.7%	5.1%	147,551	4.3	17.0	4,160	559.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MWG	92,900	3.8%	8.3%	136,420	4.3	23.5	3,957	1,918.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCX	56,500	2.7%	1.6%	130,589	3.0	20.8	2,713	174.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	84,000	-0.1%	6.3%	121,457	3.4	31.0	2,710	906.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
STB	63,000	0.3%	0.6%	118,769	1.9	9.7	6,519	597.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	22,400	2.5%	8.5%	112,164	2.0	54.2	413	499.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLX	58,900	2.1%	7.9%	74,838	2.9	28.2	2,090	405.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	95,800	-0.2%	5.5%	70,143	6.4	20.5	4,627	73.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	230,700	7.4%	53.5%	46,140	10.1	24.2	9,526	69.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	40,700	11.8%	44.3%	44,336	3.6	3,924.3	10	253.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	127,000	0.4%	13.0%	43,326	3.6	18.4	6,907	466.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	68,500	0.9%	0.0%	29,215	2.3	19.6	3,492	129.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	169,900	3.0%	11.9%	28,934	6.9	36.4	4,667	168.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	45,400	4.4%	17.3%	23,218	1.6	12.8	3,560	517.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGC	50,100	6.8%	3.7%	22,462	2.6	16.0	3,130	205.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	36,600	-1.1%	1.5%	19,376	1.8	10.1	3,618	149.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	47,900	3.5%	5.3%	18,178	2.8	9.4	5,090	446.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCG	19,150	0.8%	-16.0%	12,380	1.1	3.1	6,148	148.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BGE	4,300	-6.5%	-4.4%	2,957	0.4	-472.2	-9	6.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	45,900	-0.4%	-3.4%	69,852	2.4	16.7	2,742	101.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,150	-1.7%	-2.8%	48,792	1.2	7.4	2,332	41.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	20,850	-0.5%	-7.5%	38,838	1.5	12.8	1,635	192.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	18,500	0.3%	-4.6%	28,163	1.4	13.9	1,328	193.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	14,150	0.4%	-2.7%	24,277	1.1	6.1	2,337	17.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,700	0.5%	-4.1%	16,820	1.3	12.5	1,501	262.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTS	31,250	0.2%	-4.9%	6,647	2.3	11.5	2,715	17.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	28,700	0.5%	-6.5%	3,171	2.0	15.1	1,896	18.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	26,700	0.4%	-1.8%	2,991	1.2	11.1	2,402	42.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FCN	13,850	0.4%	-4.2%	2,181	0.9	79.0	175	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	15,100	-0.7%	-3.8%	2,114	1.2	14.2	1,064	46.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	17,050	0.0%	-4.2%	2,080	1.3	99.7	171	10.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	16,300	-1.8%	-5.8%	1,840	1.3	11.3	1,447	8.2	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PAC	22,800	0.9%	0.0%	1,589	1.6	13.5	1,687	5.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIP	11,800	0.9%	-8.2%	808	0.6	9.4	1,253	7.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	12,200	0.0%	-3.9%	6,676	1.1	11.2	1,094	54.5	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	10,600	0.5%	-2.3%	6,674	0.8	8.5	1,245	28.7	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	26,950	-0.9%	-2.5%	83,855	15.0	7.2	3,765	24.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	7,450	1.22%	-4.61%	13,600	84.8%	639	0.7	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	29,450	3.51%	-0.84%	52,100	83.1%	1,805	1.1	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	27,500	2.23%	-4.84%	48,500	80.3%	857	1.7	32.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	68,600	1.18%	-7.17%	118,000	74.0%	8,296	1.7	8.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,000	7.00%	4.00%	20,000	64.6%	(1,920)	0.8	-6.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	15,400	1.32%	0.65%	24,000	57.9%	395	1.4	39.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	16,100	-1.83%	4.89%	25,500	55.5%	353	1.3	45.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	36,700	0.55%	-6.38%	54,000	47.9%	1,635	1.9	22.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	27,450	3.98%	4.37%	37,000	40.2%	938	1.6	29.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,100	1.26%	-3.79%	33,300	39.9%	3,042	1.3	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	28,000	1.27%	-1.75%	38,000	37.4%	3,024	1.3	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	50,100	6.82%	3.73%	64,100	36.7%	3,130	2.6	16.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	32,200	2.88%	3.04%	42,400	35.5%	1,917	1.8	16.8	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,800	-1.11%	0.19%	35,700	31.7%	1,876	1.6	14.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	31,150	0.00%	-2.35%	40,800	31.0%	1,874	2.5	16.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	35,900	2.87%	-1.64%	44,800	28.4%	3,577	1.5	10.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
ACG	35,700	-0.83%	1.42%	45,800	27.2%	2,973	1.2	12.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV2	34,800	0.72%	2.05%	43,900	27.1%	973	1.8	35.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	34,900	3.87%	-3.86%	42,500	26.5%	1,872	1.4	18.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	18,400	0.55%	-0.81%	23,100	26.2%	1,988	1.0	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn